TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2018
V/v: "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Hưng**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Do**
2. Ông **Lưu Thông**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Quang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bưởi** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 109/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 về việc "*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Khả T**, Sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn , xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, Sinh năm 1969.
Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn kiện, bản tự khai, quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Khả T trình bày:

Ông Lê Khả T và bà Nguyễn Thị H về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vả không hạnh phúc vì vậy hai bên đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu tòa án tuyên bố ông và bà H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 người con chung là Lê Khả L sinh năm 1990, Lê Khả C sinh năm 1991 và Lê Khả M sinh năm 1996. Hiện các con đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với trình bày của ông T và đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 người con chung là Lê Khả L sinh năm 1990, Lê Khả C sinh năm 1991 và Lê Khả M sinh năm 1996. Các con đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Đối với quan hệ hôn nhân đề nghị không công nhận ông Tvà bà H là vợ chồng; đối với con chung, tài sản và công nợ, ông bà không yêu cầu giải quyết nên miễn xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quyền khởi kiện, nội dung và hình thức đơn khởi kiện và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn có đơn khởi kiện vụ án cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo với hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật; tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Đ. Do đó, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Tvà bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Theo quy định tại điểm b khoản 3 nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng".

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Khả T và bà Nguyễn Thị H về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988 theo phong tục tập quán ở quê. Sau đó đến năm 1996 ông T, bà H chuyển vào sinh sống tại thôn 5, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ông bà chung sống với nhau như vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống không hạnh phúc vì hay phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã nên đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật, được bị đơn đồng ý nên không công nhận ông T và bà H là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Ông T và bà H có 03 người con chung là Lê Khả L sinh năm 1990, Lê Khả C sinh năm 1991 và Lê Khả M sinh năm 1996. Hiện các con đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ông T, bà Hkhông yêu

cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3.3] Về tài sản và công nợ: Ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 9, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khả T

Không công nhận ông Lê Khả T và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Khả T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002695 ngày 18/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ông T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Hưng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.